

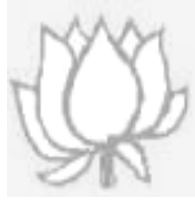
Nghi Thức Hành Trì Thiên-Thủ Thiên-Nhãn Quán-Thế-Âm

Theo truyền thống của
đức Đạt-Lai Lạt-Ma đời thứ Bảy, Kālsang Gyatso



Tâm-Bảo-Đàn chuyển Việt-ngữ dựa trên bản Anh-ngữ
của Geshe Lobsang Tsepel (*Land of Compassion Buddha*)

Bản hiệu đính tháng 2/2006



MỤC LỤC

| | |
|--|-------|
| Tranh Hoạ Đức Thiên-Thủ Thiên-Nhãn | 3 |
| Họa Đồ Chung Tự HRI & Lục Tự Minh Chú | 4 |
| Ba Điểm Căn Yếu Của Con Đường Đạo | 5-8 |
| Minh Chú Giúp Tăng Trưởng Công Đức | 9 |
| Thỉnh Cầu Ân Điển Gia Trì Khẩu-ý | 9 |
| Nghi Thức Hành Trì Quán-Thế-Âm Tự Khởi | 12-32 |
| Công Phu Hành Trì Sơ Khởi | 12 |
| Công Phu Hành Trì Quán-Thế-Âm | 18 |
| Kết Thúc Công Phu Hành Trì | 30 |
| Phụ Lục | |
| Cúng Dường Mạn-Đà-La | 33-35 |



Tranh 'thangka' đức Thiên-Thủ Thiên-Nhãn Quán-Thế-Âm Avalokiteshvara

The Buddhist Art of Nick Dudka Thangka
http://www.thangka.ru/gallery/ge_avalokiteshvara.html



Ở giữa tâm điểm là chủng tự **HRI**.

Xoay quanh chủng tự **HRI** là chuỗi lục tự minh chú

OM MA-NI PAD-ME HUNG

Chữ **OM** nằm ngay phía trên chữ **HRI**

Kế đến là chữ **Ma, Ni, Pê, Mê, và Hung...** tất cả xoay theo chiều kim đồng hồ.

Khi quán chữ **HRI** trên đài trắng ở luân xa tim, chữ **HRI** ở trong vị trí thẳng đứng và đứng yên,

không xoay chuyển nhưng phóng toả ánh sáng ra khắp mười phương.

Trong khi đó, chuỗi minh chú cũng trong vị trí thẳng đứng nhưng xoay rất nhanh chung quanh,

phóng toả ánh sáng rạng ngợi đến khắp sáu cõi. ¹

http://www.andyweberstudios.com/mt_avallo.html

¹ Chú thích phần quán tượng của Tâm-Bảo-Đàn. Hoạ đồ các chủng tự của Andy Weber
http://www.andyweberstudios.com/mt_avallo.html



BA ĐIỂM CĂN YẾU ² CỦA CON ĐƯỜNG ĐẠO Mười Bốn Đoàn Kệ do Đại Sư Tông Khách-Ba (Tsong Khapa) ³ soạn

Đạo Sư Tôn Quý

Chí tâm đảnh lễ Chư Vị Tôn Sư và Thánh Tăng. ⁴

1.

Với tất cả khả năng có được, ta sẽ giải thích về
Tinh hoa giáo pháp cao sâu của các Đấng Giác Ngộ,
Con đường mà tất cả các bậc kế thừa đều ca ngợi,
Điểm khởi đầu cho những kẻ may mắn muốn tìm cầu giải thoát.

2.

Hãy lắng nghe với một tấm lòng thanh tịnh,
Hỡi những kẻ may mắn tâm không khát khao lạc thú cuộc đời,
Và những ai muốn đem lại ý nghĩa cho đời sống đầy thuận duyên tốt đẹp,⁵
Hãy hướng tâm về con đường làm chư Như Lai hoan hỷ.

² Đây là ba điểm căn bản hay ba điểm trọng yếu nhất trên con đường tu mà hành giả phải thấu triệt và hành trì: tâm từ bỏ thế gian (*renunciation*), tâm bồ-đề (*bodhicitta*), và tánh Không hay vô ngã (*emptiness*). ** *Tâm-Bảo-Đàn chuyển Việt ngữ và chú thích Mười Bốn Đoàn Thi của đại sư Tsong Khapa dựa trên những lời khai thị của đại sư Chogda Rinpoche và tài liệu thuyết giảng và khai triển của đại sư Ribur Rinpoche.*

³ **Đại sư Tông-Khách-Ba** (Tsong Khapa) (1357-1419) là vị tổ khai sáng giòng truyền thừa 'Gelug' (phái Mũ Vàng) của Mật-Tông Tây-Tạng, một trong 4 giòng truyền thừa quan trọng nhất của Phật-Giáo Tây-Tạng. 'Gelug' có nghĩa là 'đạo hạnh' và 'Gelugpa' là danh xưng dành cho những người hành trì theo trường phái này. Kể từ thế kỷ 17, giòng Gelug nhận lãnh trách nhiệm chính trị tại Tây-Tạng, với đức Đạt-Lai Lạt-Ma, người đứng đầu giòng Gelug, trở thành vị lãnh đạo tôn giáo và chính trị tại quốc gia này.

⁴ Theo truyền thống Mật-Tông, trước khi thuyết pháp, các bậc tôn sư đều quy ngưỡng chư Phật, Bồ Tát, Thầy Tổ hay chư vị thánh tăng. Ở đây chính là đại sư Tông Khách-Ba (Tsong Khapa) đảnh lễ chư vị thánh tăng trước khi bắt đầu thuyết giảng về ba điểm trọng yếu của con đường đạo.

⁵ **Bản tiếng Anh** sử dụng hai danh từ '*leisure*' và '*fortune*' cốt chỉ những điều kiện thuận lợi mà chúng ta có được khi thọ mạng và tái sinh trong một cảnh sống tốt đẹp, có nhiều thiện duyên để được tiếp tục tu học, như được thân người hiếm quý, được gặp thầy, được nghe pháp, không phải sống trong cảnh chiến tranh, v.v. Một danh từ khác mà kinh sách tiếng Anh cũng hay dùng để chỉ thiện duyên là hai danh từ '*freedom and endowments*' tức là những yếu tố đóng góp làm cho sự tái sinh và thọ mạng của ta trở nên tốt đẹp hơn.

3.

Ngoài tâm *từ bỏ thế gian* chân chính
Thì không thể còn con đường nào khác
Để chấm dứt sự tìm cầu lợi lạc trong bể khổ luân hồi,
Cũng bởi vì những tham luyến này mà chúng sinh phải chịu bao gông cùm trói buộc;
Hãy phát khởi tâm từ bỏ trước tiên.

4.

Thiện duyên rất khó tìm,⁶ đời người thì ngắn ngủi
Hãy liên tục suy tư về điều này; hãy đoạn diệt mọi khao khát dục vọng đối với cuộc đời này.
Hãy luôn suy niệm để thấy rằng luật nhân quả vốn không bao giờ sai
Và vòng luân hồi chính là khổ não;
Hãy đoạn diệt mọi khao khát mong tưởng cho tương lai.

5.

Khi các con đã quán chiếu được như vậy,
Và tâm không mảy may khởi sinh dục vọng cho tất cả những gì tốt đẹp trong cuộc sống ta-bà,
Và khi các con bắt đầu suy tư ngày đêm mong cầu giải thoát,
Đó là khi các con đã phát được tâm từ bỏ thế gian.

6.

Cho dù như thế, tâm từ bỏ thế gian sẽ không bao giờ đem lại được
Niềm hỷ lạc viên mãn của Phật-quả tối thắng,
Trừ phi tâm từ bỏ ấy
Được nuôi dưỡng bằng *ước nguyện vị tha tột cùng cao quý*;⁷
Bởi thế, các bậc đại trí đều nương vào *tâm nguyện Bồ-Tát* cao cả⁸ trên đường tìm cầu giác ngộ.

7.

Chúng sinh bị cuốn phăng theo bốn giòng nước xoáy⁹;

⁶ Xem chú thích #3

⁷ **Bản tiếng Anh** sử dụng cụm từ 'purest wish' và 'high wish' cốt chỉ hạnh nguyện Bồ-Tát hoàn toàn lợi tha.

⁸ Xem chú thích #5

Bị xiết trời bởi hành nghiệp của quá khứ, khó lòng tháo gỡ;
Bị giam hãm trong chiếc lồng sắt của ngã mạn;
Nghẽn chết trong bóng tối dầy đặc của vô minh.

8.

Trong vòng sinh tử vô tận, chúng sinh đã chào đời,
Và khi thọ mạng đã phải chịu đau đớn vì ba khổ não¹⁰ không phút nào ngơi nghỉ;
Hãy quán tưởng xem chúng-sinh-mẹ hiền của các con¹¹ đang cảm thấy như thế nào,
Nghĩ xem chuyện gì đang xảy ra cho họ,
Và hãy cố gắng phát khởi tâm nguyện Bồ-Tát tốt cùng cao cả kia.

9.

Các con có thể đã chúng ngộ được tâm từ bỏ và ước nguyện lợi tha,
Nhưng sẽ không thể nào chặt đứt được gốc rễ của vòng trầm luân sinh tử
Nếu như các con không khai mở trí tuệ để thấu hiểu lẽ chân như;
Hãy cố gắng bằng nhiều cách để thấu triệt **lý duyên sinh khởi**.

10.

Kẻ bước chân vào con đường làm hoan hỷ muôn chư Phật
Là kẻ thấy được lý duyên sinh¹² vốn không bao giờ sai,
Đối với kẻ ấy, vạn pháp trong cả hai cõi luân hồi lẫn niết bàn
Đều không mang hình tướng!

11.

Nhưng các con vẫn chưa thật sự quán triệt được tư tưởng của bậc Đại Giác
Nếu như chưa thấy được sự đồng nhất của hai ý niệm này;
Sắc tướng của vạn pháp [chính là] lý duyên sinh, không thể nào khác,
Và **Không** -- [chính là] sự vượt thoát mọi khái niệm, không thể nghĩ bàn.

⁹ **Bốn giòng nước xoáy** ý nói sinh, lão, bệnh, tử.

¹⁰ **Ba khổ não** ý nói *vô minh* (u mê, không hiểu được chân đế và nghiệp quả), *ái* (tham muốn, thèm khát) và *thú* (chấp giữ, lưu luyến, vướng mắc). Ba khổ não cũng còn có ý nói 3 loại đau khổ khác nhau: (1) đau khổ vì bị đau khổ, (2) đau khổ do vô thường hay những thay đổi bất như ý gây ra, và (3) đau khổ vì phải chịu đựng những hoàn cảnh sống đã được an bài, phải chịu đựng những gì không thể thay đổi được cho đúng theo ý mình.

¹¹ **Ý nói từ vô thủy vô chung**, tất cả chúng sinh đã từng là những bà mẹ của ta trong vô lượng kiếp. Ý niệm này cực kỳ quan trọng trong Mật-tông Tây-Tạng, để giúp chúng ta phát triển tâm Bồ-Đề viên mãn, vô phân biệt.

¹² **Bản tiếng Anh** sử dụng cụm từ *'cause and effect'* (nhân quả) trong khi nếu hiểu đúng nghĩa của đoạn này thì phải dùng cụm từ *'cause and conditions'* (nhân duyên) mới chính xác vì ở đây, đại sư Tsong Khapa đang bàn về lý 'nhân duyên,' vô ngã, không có tự tánh, chứ không phải bàn về luật nhân quả.

12.

Đến một lúc nào đó, hai ý niệm ¹³ trên sẽ không còn luân phiên tách biệt

Mà sẽ kết hợp thành một.

Nhận thức rằng lý duyên sinh vốn không sai

Sẽ giúp các con phá vỡ được tâm bám chấp,

Và khi ấy, cái nhìn quán chiếu của các con sẽ trở nên vẹn toàn.

13.

Hơn thế nữa, *sắc* giúp ta không vướng mắc vào tâm *chấp có* thường hằng,

Không ¹⁴ giúp ta không vướng mắc vào tâm *chấp không* vô hữu ¹⁵,

Và nếu thấy được sự hóa hiện của tánh Không trong lý duyên sinh,

Các con sẽ không bao giờ nữa phải sa vào những quan niệm cực đoan.

14.

Khi các con đã thấu hiểu được như ta

Những điều cực kỳ quan trọng ta đã giải thích về ba điểm căn yếu của con đường đạo,

Con ơi, hãy tìm đến một nơi thanh vắng;

Hãy dốc lòng quyết tâm tinh tấn,

Và mau chóng đạt thành ước nguyện tốt cùng [của đạo quả Bồ-Đề].



¹³ Hai ý niệm này là 'Sắc' và 'Không' -- đều do duyên sinh mà ra.

¹⁴ Vô ngã, không có tự tánh (non-inherent nature)

¹⁵ Non-existence



Minh Chú Tăng Trưởng Công Đức

Âm Phạn:

OM SAMBHARA SAMBHARA VIMANA SARA MAHĀ JABA HŪM
OM SMARA SMARA VIMANA SKARA MAHĀ JABA HŪM// (7x)

Âm Việt:

ÔM XAM-BA-RA XAM-BA-RA VI-MA-NA XA-RA MA-HA GIA-BA HUM
ÔM XƠ-MA-RA XƠ-MA-RA VI-MA-NA XƠ-CA-RA MA-HA GIA-BA HUM// (7x)

'Khi tụng đọc câu minh chú trên đây bảy lần, tất cả công đức mà hành giả đã tạo được qua các thiện hạnh sẽ được nhân lên gấp 100,000 lần.' -- Trích bộ kinh **Phổ Đẳng Hồi Hương**.

Âm Phạn:

OM RUCHI RAMANI PRAWARTA YA HŪM (7x)

Âm Việt:

ÔM RU-CHI RA-MA-NI PƠ-RA-OA-TA DA HUM (7x)

'Tụng đọc câu minh chú trên đây bảy lần rồi thổi nhẹ lên trên chuỗi tràng hạt. Sau đó, trong số tất cả những câu mật chú do chư Như Lai đã thuyết thì [công đức của] bất kể câu mật chú nào mà hành giả tụng đọc cũng sẽ được nhân lên gấp 100,000,000,000 lần.' -- Trích kinh **Vô Lượng Bảo Châu Cung Điện**.

Thỉnh Cầu Ân Điền Gia Trì *Khẩu-ý*¹⁶ của Đại-Thành-Tự-Giả Khyungpo

Con nguyện xin quy y Tam Bảo,
Xin cho con thành tựu quả vị Phật

¹⁶ **Nguyên bản tiếng Anh** sử dụng danh từ 'tongue' tức 'cái lưỡi' nhưng nếu dựa theo văn cảnh thì phải hiểu rằng đây không phải là phần cầu nguyện ân phước hộ trì cho riêng cái lưỡi mà là cho khẩu-ý (lời nói, tiếng nói) của hành giả nói chung, giúp thanh tịnh hoá khẩu-ý và thanh tịnh hoá tất cả những gì liên quan đến những âm thanh do miệng hành giả phát ra.

Đề đem lại lợi lạc ho tất cả chúng sinh (3x)

Giờ đây, sau khi đã quán tưởng hành giả chính là vị Pháp-chủ,¹⁷ [hãy quán tưởng] chủng tự 'A' trên lưỡi của hành giả biến thành một tòa trắng. Trên tòa trắng là một chủng tự 'OM' màu trắng. Xoay vòng chung quanh chủng tự 'OM' thuận theo chiều kim đồng hồ là những nguyên âm¹⁸ màu trắng. Trong khi đó, những phụ âm¹⁹ màu đỏ đang xoay vòng ngược chiều kim đồng hồ chung quanh chủng tự 'OM.' Và những vần tự màu xanh biếc của câu minh chú Duyên-Khởi Tinh-Yếu lại xoay vòng thuận chiều kim đồng hồ [chung quanh chủng tự 'OM']. Hãy quán tưởng những vần tự này quán quít với nhau như những con rắn, và hãy tụng đọc như sau:

[Minh Chú Nguyên-Âm]

| | | | | | | | | | | |
|----|----|---|----|----|----|-------|------|---|---|---|
| Om | A | Ā | I | Ī | U | Ū | Ṛ | Ṛ | Ḍ | Ḍ |
| E | Ai | O | Au | Am | Ah | Svāhā | (3x) | | | |

[Minh Chú Phụ-Âm]

| | | | | | |
|----|-----|-----|-----|------|------------|
| Om | Ka | Kha | Ga | Gha | Nga |
| Ca | Cha | Ja | Jha | Na | |
| Ta | Tha | Da | Dha | Na | |
| Ta | Tha | Da | Dha | Na | |
| Pa | Pha | Ba | Bha | Ma | |
| Ya | Ra | La | Va | | |
| Śa | Ṣa | Sa | Ha | Ksha | Svāhā (3x) |

¹⁷ Nguyên bản tiếng Anh sử dụng danh từ 'deity' (thần linh) nhưng ở đây chính là đức Quán Thế Âm, là vị Pháp-chủ của pháp hành tri Thiên-thủ Thiên-nhãn này. Trong các pháp tu Mật-điển, vị Pháp-chủ được quán tưởng trong dạng báo thân (sambhogakaya), có đủ các đặc điểm và phẩm hạnh của một vị Phật.

¹⁸ Xem những nguyên âm (mẫu âm) được liệt kê phía dưới. Đây là những nguyên-âm Phạn-tự (Sanskrit).

¹⁹ Xem những phụ âm được liệt kê phía dưới. Đây là những phụ-âm Phạn-tự (Sanskrit).

[Minh Chú Duyên-Khởi Tinh-Yếu]²⁰

OM YE DHARMĀ HETU PRABHAWA HETUNTE SAN TATHĀGATO
HYA WADATA TESĀÑCA YONI RODHA EWAM WĀDIMAHĀ SRAMANA YE
SVĀHĀ (3x)

Âm Việt:

ÔM ĐÊ ĐA-MA HÊ-TU PƠ-RA-BA-OA HÊ-TUN-TÊ XAN TA-THA-GA-TÔ
HI-DA OA-ĐA-TA TÊ-XAN-CA DÔ-NI RÔ-ĐA GÊ-OA-AM OA-ĐI-MA-HA
XƠ-RA-MA-NA ĐÊ XOA-HA (3x)

Giờ đây, những luồng ánh sáng phóng tỏa ra từ những chủng tự mật điển này giúp phát khởi ba khía cạnh khác nhau của công năng mật điển, liên quan đến cả hai cõi siêu thế lẫn phàm thế. Ba khía cạnh này gồm có: sáu mươi chi (sixty limbs) của ngôn ngữ giác ngộ, tám vạn bốn ngàn pháp môn của đức Phật, cùng ân điển cao cả tối thượng của ngài. Những luồng ánh sáng phóng tỏa này cũng giúp phát khởi bảy loại châu bảo (thất bảo) của vương quốc tuyệt diệu,²¹ cùng tám phẩm vật tốt lành.²² Sau đó, tất cả những châu bảo và những phẩm vật trên sẽ tan hoà vào những nguyên âm, phụ âm cùng với những vần tự của minh chú Duyên-Khởi Tinh-Yếu trên toà trăng. Giống như trước đây, tất cả lại tan hoà vào chủng tự 'A' độc nhất. Rồi chủng tự này tan ra thành nước cam lộ màu trắng và màu đỏ. Nước cam lộ tan hoà trên lưới của hành giả, chuyển hoá bản chất [tâm thường] của khẩu-ý thành kim-cang khẩu.²³

-- Phương thức quán niệm như trên về khẩu-ý (hay tất cả những gì thốt ra từ miệng) sẽ đem đến [cho hành giả] rất nhiều lợi lạc, nhất là sẽ phát khởi được nhiều công năng tốt đẹp và nhiều điều toàn hảo; hành giả sẽ không bao giờ sợ phải mất đi công phu mật điển, mà ngay cả những câu nói vô nghĩa của hành giả cũng sẽ biến thành những câu trì tụng.



²⁰ **Mantra of Essence of Interdependent Origination:** diệ dụng của câu minh chú này là để hộ trì hành giả có được sự hiểu biết sâu sắc về lý duyên sinh duyên khởi.

²¹ **Bảy loại châu bảo** của vương quốc tuyệt diệu còn được gọi là 'thất bảo' - gồm có: bảo luân (bánh xe quý), châu báu, hoàng hậu, khâm sai đại thần (*minister*), ngựa quý, voi quý, và nguyên soái thống lĩnh (*general*).

²² **Tám phẩm vật tốt lành** gồm có: cá đúc vàng, bình chứa châu báu (*vase of great treasures*), hoa sen tịnh khiết, vỏ sò xoáy ốc theo chiều kim đồng hồ (*right turning conch*), nút thắt huy hoàng (*knot of glory*), giải phướn vương triều (*banner of sovereignty*) và bánh xe hoàng kim (*golden wheel*).

²³ **Kim-cang-khẩu** là khi tất cả những gì hành giả thốt ra từ miệng sẽ trở thành bất hoại không khác gì kim-cương; mọi âm thanh phát ra, mọi lời nói, tiếng nói đều trở thành rắn chắc, sắc bén, vô ngại, không gì hủy hoại được.



Công Phu Hành Trì Sơ Khởi

1.1 Quy-Y và Bồ Đề-Tâm

Nơi Phật, Pháp, Tăng tột cùng cao quý,
Con nguyện xin quy y cho đến khi con thành tựu giác ngộ,
Nương nơi công đức bố thí cùng những hạnh lành khác,
Xin cho con đắc quả vị Phật để đem lại lợi lạc cho tất cả chúng sinh. (3x)

1.2 Khẩn Nguyện Chư Tổ Bốn Tông²⁴

Giữa bầu trời pháp giới vi diệu, âm áp
Muôn ngàn áng mây đượm mát tâm từ bi vô phân biệt đã về hội tụ.
Con xin khẩn nguyện đức Liên-Hoa-Thủ,²⁵ ngài khéo ban rải những cơn mưa thấm
nhuần đạo quả, ân điển, và hỷ lạc
Đến vô lượng chúng sinh.

Tỳ-khưu-ni La-kha-minh (Lakshmi)²⁶ ưu việt, đã thành tựu tối thượng chánh đẳng chánh
giác,
Đại sư Pháp-Vương-Tử (Chandra Kumāra), yêu chuộng ngũ minh khoa học,²⁷
Đại sư Trí- Quang (Jñānabhadra), kiên cố hành trì hạnh nhẫn nhục, tinh tấn và chánh tín,
Con xin khẩn cầu chư vị, là bạn hiền của chúng sinh.

²⁴ Đây là những vị đại sư đã hành trì theo đức Quán-Thế-Âm, được xem như là những ứng thân của ngài, với đạo hạnh và chứng đắc không khác gì ngài. Bốn-tông ở đây để chỉ truyền thống tu tập Pháp-Chủ Du-Già (*deity yoga*) nương theo một vị Pháp-Chủ mà hành giả đã lựa chọn, chứ không có ý chỉ một giòng truyền thừa. **** Để dễ dàng hơn cho đại chúng người Việt có thể học thuộc bài kinh nguyện này, tên của chư tổ bốn tông đã được Việt dịch dựa trên ý nghĩa của tên Phạn hay tên Tây-Tạng.**

²⁵ Liên-Hoa-Thủ là một danh hiệu khác của đức Quán-Thế-Âm.

²⁶ Một vị nữ-du-già ma-ha tất-đạt-đa, một trong 84 vị đại- thành-tựu-già Ấn-Độ, đã chứng đắc Đại-Thủ-Ấn tất-địa, sống vào thế kỷ thứ 8 và là em gái của vua Indrabhuti.

²⁷ Ngũ minh khoa học, hay ngũ minh, gồm có: thanh minh (ngôn ngữ học, văn chương học), công xảo minh (công nghệ, kỹ thuật), y phương minh (y dược, chú pháp), nhân minh (lý luận) và nội minh (những gì riêng về tông phái của mình). Các sách Mật-Tông thay thế nhân minh và nội minh bằng thiên văn học và triết học.

Đại sư Liên-Hoa-Ngư (Penyawa) của vương quốc Nepal, vị đại học giả lỗi lạc bậc nhất,
Đại sư Nguyệt-Thắng-Tràng (Dawa Gyaltsän) tối thắng, ứng thân của bậc đại hiền thánh
[Quán-Thế-Âm],

Đại sư Hợp-Nhật-Pháp-Âm (Nyiphug Chökyidra), pháp vương của công phu hành trì,
Con xin khẩn cầu chư vị hiền thánh.

Đại sư Kim-Cang-Tất-Đạt (Trupa Dorje Gyäl), hậu duệ của của các con của chư vị đại
thắng,²⁸

Đại sư Đại-Hạnh-Thức (Zhangtön Drajig) ưu việt, với học thức và phẩm hạnh tột cao;

Đại sư Giới-Hương-Hiền (Thugje Jangchub Päl), thấm đượm hương thơm đức độ;

Con xin khẩn cầu chư vị, đã soi sáng con đường giải thoát.

Đại sư Đại-Lạc-Thủ (Dewa Chän), chúng đắc vô lượng công phu đại định,

Đại sư Giác-Viên-Mãn (Jangchub Bar), chúng ngộ vô vàn linh ảnh chư vị Pháp-chủ,

Đại sư Vạn- Huệ (Yeshe Bum), nắm giữ kho tàng đạo hạnh cao quý;

Con xin khẩn cầu chư vị, đã giúp chúng sinh thoả bao nguyện ước.

Đại sư Vô-Trước (Thogme Zangpo), chúng đắc bồ-đề tâm-vương cao quý,

Đại sư Huệ-Đức (Sherab Päl), hiện thân của bậc toàn thắng Di Lạc,

Đại sư Hạnh-Đức (Tsultrim Tsän), che chở độ trì tất cả chúng sinh bằng tâm từ bi vô ngại,

Con xin khẩn cầu chư vị, đã ứng hoá ban rải phúc lạc cho muôn người muôn loài.

Đại sư Bảo-Trí (Yontän Rinchen), bậc hiền thánh soi đường dẫn lối,

Đại sư Giác-Hải (Sangyā Gyatso), đấng pháp vương nắm giữ biển nguồn giáo pháp Như
Lai,

Đại sư Tối-Thượng-Hộ (Kyabchog Päl), đã chỉ rõ cho vô lượng ứng thân đường tu chân
chính,

Con xin khẩn cầu chư vị, là hiện thân của kinh tạng và đạo quả.

Đại sư Vô-Thượng-An-Sa (Gyälwa Ensapa), bậc anh hùng đắc quả thiện hạnh,

Đại sư Giác-Huệ (Sangyā Yeshe), rót đầy ước nguyện cho những kẻ may mắn,

Đại sư Dũng-Thiện-Tâm (Pänchen Lobsang Chögyän) tối thắng, mắt tuệ thấu suốt vẹn toàn;

Con xin khẩn cầu chư vị hiền thánh.

Đại sư Kim-Cang-Giới (Damtsig Dorje Könchog Gyältsän), chúng đắc vô thượng chánh đấng
chánh giác,

²⁸ Nguyên bản tiếng Anh, *descendent of the conquerors' children*. *Conqueror's children* nghĩa là các con của chư vị đại thắng-- ở đây có ý chỉ chư vị A-La-Hán, Thanh-Văn, chư Bồ-Tát, v.v...

Đại sư Thiện-Tâm-Huệ (Pänchen Lobsang Yeshe) toàn hảo, đáng pháp vương của toàn thể Phật-bộ

Đức Mãn-Giác (Donyö Khädrub) tôn kính, đã soi rõ đường tu cao cả,

Con xin khẩn cầu chư vị, là ngọn đèn thấp sáng giáo pháp [của Như Lai].

Con xin khẩn cầu đức Ngũ-Pháp-Âm (Ngawang Chogdän), hiện thân của đạo pháp huy hoàng,

Người thừa hưởng trí tuệ viên mãn của Văn-Thù Sư- Lợi -- vị ngũ trí pháp vương của ngôn ngữ,²⁹

Cùng xin khẩn cầu đức Đạt-Lai Lạt-Ma đời thứ bảy (Kälsang Gyatso)

Đã soi tỏ tam kinh giáo pháp và đạo quả vô thượng của Phật-tổ Thích Ca.³⁰

Con xin khẩn nguyện vô lượng ứng thân của bậc đại hiền thánh [Quán-Thế-Âm],

Đã hoá hiện khắp nơi thành pháp giới cùng chúng sinh của pháp giới,

Trí tuệ chiếu kiến³¹ và tâm từ bi luôn hiển lộ,

Hoà nhập với chân tánh chan hoà, thuần khiết tự chân nguyên.

Xin đức Liên-Hoa-Thủ đang an trú nơi điện Potala hãy gia hộ,

Xin đoái lòng chăm lo cho con chẳng khác nào đứa con duy nhất,

Và nhờ đã uống trọn tinh hoa cam lộ của Đại-Thừa

Mà con tất thành tựu mọi an vui nơi ba cửa [thân-khẩu-ý].

Xin cho con buông bỏ hết những gì hoàn hảo của kiếp sống luân hồi,

Không tham luyến niềm hỷ lạc của cõi an bình tự tại riêng tư,

Xin cho con phát khởi tâm nguyện tốt cùng cao cả muốn giải thoát hằng hà sa chúng sinh

Ra khỏi biển đau thương phiền não.

Xin cho con đoạn diệt được tâm bám chấp vào sắc tướng hư huyền,

Xin cho chân tướng và niềm vinh hãnh huyền diệu nơi sáu Pháp-Chủ³² phát khởi:

[Một] là chân như,³³ [hai] là âm vang tánh Không vọng lại từ câu minh chú,³⁴ [ba] là chủng tự gốc,³⁵

²⁹ **Nguyên bản tiếng Anh**, *the five-knotted lord of speech*. Theo Mật-Tông Tây-Tạng, nghĩa là vị pháp vương của ngôn ngữ [trên đầu đội mũ miện] có kết 5 [viên bảo châu]. Năm viên bảo châu kết trên mũ miện tượng trưng cho 5 trí; ở đây dịch thoát ý thành vị ngũ trí pháp vương.

³⁰ **Theo bản tiếng Anh**, *the good eon's fourth guide*, chỉ đức Phật Thích Ca trong lịch sử là vị Phật thứ tư của đại kiếp này.

³¹ **Analytical wisdom**: trí tuệ dựa trên sự xem xét, kiến giải tinh tường.

³² *Divine pride of the six deities*

³³ *Deity of thusness*

³⁴ *Tone of the mantra's empty resonance*

³⁵ *Seed syllable*

[Bốn] là những dấu hiệu đẹp đẽ, rạng ngời của sắc-tướng³⁶, [năm] là thủ ấn cam kết,³⁷ và [sáu] là hiệu-ấn.³⁸

Xin cho con thành tựu mọi thành tựu thế gian,³⁹
Nương nơi chánh định cùng bốn pháp hành trì của giai đoạn tự khởi⁴⁰
Và cũng xin cho con thành tựu đại định viên mãn,
Nương nơi các pháp môn du-già thấm nhuần hoả-định⁴¹ và pháp-âm.⁴²

Xin gia hộ cho con đoạn diệt được hai chướng ngại⁴³
Nương nơi đại định tựa không gian bát ngát vô biên;
Xin cho đạo vị giải thoát tuyệt vời phá tan tâm bám chấp nơi vọng cảnh⁴⁴
Và xin cho bồ công đức luôn tràn đầy phương tiện thiện xảo trong con.

Xin gia hộ cho con tức thời chứng đắc trí huệ viên mãn vô pháp nhân,⁴⁵
Trở thành những ứng thân như ý nguyện, lười sáng rạng ngời, hào quang phóng toả;
Xin cho con thoát nhiên thành tựu những việc làm viên giác,
Đưa đường dẫn lối,⁴⁶ và giải thoát chúng sinh của năm Phật-bộ [ra khỏi biển trầm luân].



³⁶ *Form complete with marks and exemplifications.* Sắc tướng ở đây ý chỉ linh ảnh của đức Quán-Thế-Âm mà hành giả phải quán tưởng.

³⁷ *Commitment Mudra*

³⁸ *Sign*

³⁹ *Common attainment*

⁴⁰ **Bản tiếng Anh** dịch là *'the concentration with four-branched repetition.'* Ở đây ý nói bốn pháp hành trì của giai đoạn tự khởi trong pháp tu Mật-điển khi hành giả quán tưởng vị Pháp-chủ và trì tụng minh chú của vị đó. Thứ nhất, phải tìm hiểu và làm quen với pháp môn hành trì. Thứ hai, thực tập cách quán tưởng và cách trì chú. Thứ ba, nắm vững phương cách hành trì và hành trì miên mật. Thứ tư, chứng đắc pháp tu này, thân khẩu ý hoà một với thân khẩu ý của đức Quán-Thế-Âm, trí tuệ của hành giả hoàn toàn hợp nhất với trí tuệ viên giác của ngài.

⁴¹ **Nguyên bản tiếng Anh**, *'the yogas of absorption in fire and sound.'* 'Fire' trong câu này không ám chỉ một ngọn lửa cũng không ám chỉ nội hoà hay lửa tam muội. Theo Mật-Tông Tây-Tạng, 'fire' trong câu này ám chỉ những dấu hiệu thành đạt hay an định trong công phu hành trì. Kinh sách Tây-Tạng ví von rằng, khi hành giả hành trì các Pháp-Chủ Du-Già, đi vào trạng thái an định và từ từ có được những dấu hiệu thành tựu thì đó cũng giống như một ngọn lửa (fire) đã được khơi mồi đúng cách và đã bốc sáng. 'Sound' ở đây ám chỉ diệu âm và oai lực của các câu minh chú. Kinh sách Mật-Tông bằng tiếng Anh cũng sử dụng danh từ 'sign of warmth' hay 'warmth' thay cho 'fire' để chỉ những dấu hiệu thành tựu trong công phu hành trì.

⁴² Xem chú thích trên.

⁴³ **Chướng ngại thứ nhất** gây ra do tâm ô nhiễm, phiền não, tham sân. Chướng ngại thứ hai do màn vô minh che mắt trí giác.

⁴⁴ **Bản tiếng Anh** sử dụng danh từ 'sign' (dấu hiệu). Ở đây ý nói đừng bám chấp vào những hiện tượng hay dấu hiệu sinh ra do tâm bị khuấy động. Khi ta đang tu thiền thì những dấu hiệu này là ma cảnh.

⁴⁵ **Complete direct exalted wisdom regarding all phenomena:** trí tuệ viên giác thấu triệt tánh Không của tất cả các pháp hữu vi hay thế giới hiện tượng trong trời đất.

⁴⁶ **Bản tiếng Anh** sử dụng từ ngữ 'ripening' (làm cho chín mùi). Ở đây ý nói hạnh nguyện giúp cho chúng sinh hiểu được đạo thoát ly, khi đầy đủ phúc duyên thì đường tu sẽ suông sẻ, như quả chín mùi rụng xuống từ trên cây.

1.3 Tự Khởi Báo-Thân ⁴⁷ Đại-Từ -Đại-Bi Quán-Thế-Âm

Trong trường hợp hành giả chưa thọ nhận lễ quán đảnh Quán-Thế-Âm thì không được phép quán tưởng thân mình khởi hiện thành [báo thân của] đức Quán-Thế-Âm; chỉ được phép quán tưởng đức Quán-Thế-Âm ngự trên đỉnh đầu của hành giả mà thôi.

Quán Niệm [như sau]:

Con [quán thân mình] thoát nhiên khởi hiện thành [báo thân] của đấng Đại-Từ Đại-Bi.

1.4 Gia Trì Ân Điển Phẩm Vật Cúng Đường

Âm Phạn:

OM PADMANTA KRIT HUM PHAT
OM SVABHĀVA ŚHUDDHĀH SARVA DHARMĀH SVABHĀVA ŚHUDDHOH
'HAM//

Âm Việt:

ÔM PÁT-MAN-TA CỜ-RÍT HUM PẾT
ÔM XOA-BA-VA SU-ĐA XA-VA ĐA-MA XOA-BA-VA SU-ĐỒ HAM//

Vạn hữu vốn không.

Từ trong bầu Không-tánh với với,⁴⁸ những chủng tự **BRUM** ⁴⁹ hiện ra rồi biến thành những chiếc bình bảo tích hoàn mỹ, bao la. [Trong mỗi chiếc bình bảo tích này], là một chủng tự **OM** màu trắng. Những chủng tự **OM** tan hoà ra thành ánh sáng và biến thành nước uống, nước rửa chân, hoa thơm, nhang thơm, đèn nến, nước hoa, thực phẩm, và nhã nhạc. Chân tánh của những phẩm vật cúng dường này không nằm ngoài tánh Không; mỗi cúng phẩm đều mang những đặc điểm riêng, và diệu dụng của những cúng phẩm này là để giúp phát khởi niềm hỷ lạc huyền diệu, trong sáng, thuần khiết.

Âm Phạn:

OM ARGHAM AH HUM
OM PADYAM AH HUM

⁴⁷ Theo Mật-Tông Tây-Tạng, khi hành trì các pháp môn Pháp-Chủ Du-Già (*deity yoga*), hành giả phải quán tưởng mình biến thành vị Pháp-Chủ đó trong dạng báo-thân (*sambhogakaya*) của ngài. Bản tiếng Anh sử dụng cụm từ 'holy body' (nghĩa đen là 'thân linh hiển') nhưng phải hiểu đây chính là báo-thân chứ không phải là pháp-thân (*dharmakaya*).

⁴⁸ *From the sphere of emptiness*

⁴⁹ Có tất cả là 8 chủng tự hoá hiện thành 8 chiếc bình bảo tích để tượng trưng cho 8 cúng phẩm.

OM PUSHPE AH HUM
OM DHUPE AH HUM
OM ALOKE AH HUM
OM GANDHE AH HUM
OM NAIVIDYA AH HUM
OM SHABDA AH HUM

Âm Việt:

ÔM ẠC-GAM A HUM (nước uống) ⁵⁰
ÔM PA-ĐI-AM A HUM (nước rửa chân)
ÔM PU-SỞ-PÊ A HUM (hoa thơm)
ÔM ĐU-PÊ A HUM (nhang thơm)
ÔM A-LÔ-KÊ A HUM (đèn nến)
ÔM GAN-ĐÊ A HUM (nước hoa)
ÔM NAI-VI-ĐI-ĐA A HUM (thực phẩm)
ÔM SẤP-ĐA A HUM (nhã nhạc)



⁵⁰ Khi đọc các câu minh chú cúng dường, mỗi phẩm vật cúng dường đều có một thủ ấn (*mudrā*) đi kèm.



Công Phu Hành Trì Quán-Thế-Âm

2.1 Pháp-Chủ Tối-Thượng ⁵¹

Quán niệm như sau chính là quán niệm Pháp-Chủ Tối-Thượng:

Âm Phạn:

OM SVABHĀVA ŚHUDDHĀH SARVA DHARMĀH SVABHĀVA ŚHUDDHOH
'HAM//

Âm Việt:

ÔM XOA-BA-VA SU-ĐA XA-VA ĐA-MA XOA-BA-VA SU-ĐÔ HAM//

Chân tánh của con, chân tánh của bậc Pháp-chủ con nguyện quán tưởng, cùng với chân tánh của vạn pháp -- thầy đều hợp nhất, thể hiện đạo vị của tánh Không.

2.2 Pháp-Chủ Diệu-Âm ⁵²

Quán niệm như sau chính là quán niệm Pháp-Chủ Diệu-Âm:

Từ trong Không-tánh rời rạc, diệu âm của câu minh chú **OM MANI PADME HŪM** lồng lộng vang rền, tràn ngập khắp cõi không gian.

2.3 Pháp-Chủ Chủng-Tự ⁵³

Quán niệm như sau chính là quán niệm Pháp-Chủ Chủng-Tự:

⁵¹ the Ultimate Deity - Deity còn được dịch là Bản Tôn, nhưng trong tài liệu này, deity được dịch là Pháp Chủ vì trong các pháp tu Deity Yoga, deity là vị chủ trì của pháp tu và của mạn đà la của ngài.

⁵² Deity of Sound

⁵³ Deity of Syllables

Tâm thức của con hiệu hữu bất nhị với chân tánh của con và của vị Pháp-Chủ, biến thành một giới đàn trắng sáng,⁵⁴ trên đó hoá hiện diệu âm của câu minh chú, lồng lộng vang rền toàn cõi không gian. Diệu âm này hoạt hiện thành những chủng tự linh thiêng -- diệu âm và các chủng tự quán quít chan hoà, không khác gì những giọt thủy ngân vô cùng tinh nguyên đang quán quít bám vào những hạt vàng ròng.

2.4 Pháp-Chủ Sắc-Tướng⁵⁵

Quán niệm như sau chính là quán niệm Pháp-Chủ Sắc-Tướng:

Những chủng tự [linh thiêng] hoá hiện thành ra một đoá sen ngàn cánh, sáng chói như vàng ròng; ở tâm điểm của đoá sen này là câu minh chú **OM MANI PADME HŪM**. Ánh sáng muôn sắc phóng tỏa ra từ giới đàn, đoá sen và câu minh chú. Từ những điểm phát khởi của những luồng ánh sáng này, vô lượng [báo thân]⁵⁶ của đức Quán-Thế-Âm hoạt hiện, bung tỏa ra khắp nơi, tràn ngập hết tất cả không gian vũ trụ. Muôn ngàn phẩm vật cúng dường cũng hoá hiện một cách huyền diệu không khác gì những áng mây bao la hùng vĩ để trang nghiêm dâng cúng lên chư Phật cùng chư Bồ-Tát.⁵⁷

Lại từ một áng mây hùng vĩ huyền diệu khác, những cơn mưa cam lộ ngọt ngào liên tục rơi xuống, dập tắt biển lửa đau khổ của tất cả chúng sinh trong cõi địa ngục cũng như trong những cõi giới khác. Chúng sinh thấm nhuần hỷ lạc và trở thành đức Quán-Thế-Âm. Sau đó, những luồng ánh sáng cùng với vô lượng [báo thân] của vị Pháp-Chủ [Quán-Thế-Âm] hoà nhập vào trong giòng tâm thức của hành giả dưới thể dạng của giới đàn trắng sáng, đoá sen và chuỗi minh chú linh thiêng.

Những [hình ảnh quán tưởng này] lại hoạt hiện thành ra một đoá sen muôn sắc và một tòa trắng; trên [đoá sen và tòa trắng này], tự thân hành giả khởi hiện thành ra đức Quán-Thế-Âm, thân ngời trắng, mượt mà thanh xuân và phóng tỏa vô vàn ánh sáng. [Hành giả quán tưởng mình có] mười một khuôn mặt. Khuôn mặt chính [ở giữa] mang sắc màu trắng, bên phải là một khuôn mặt mang sắc màu xanh lục, bên trái mang sắc màu đỏ. Ngay phía trên đó, khuôn mặt ở giữa mang sắc màu xanh lục, bên phải màu

⁵⁴ *A moon mandala*: giới đàn hay mạn đà la trong thể dạng của một tòa trắng

⁵⁵ *Deity of Form*

⁵⁶ **Nguyên văn tiếng Anh** là *'the bodies of the deity'* nghĩa là các 'pháp thân' của vị Pháp-chủ Quán-Thế-Âm. Nhưng theo các pháp tu Mật-Tông, hành giả phải quán vị Pháp-Chủ và quán chính mình trong dạng báo thân hay thọ dụng thân (sambhogakaya).

⁵⁷ **Nguyên văn tiếng Anh** là *'the Buddhas and their children'* nghĩa là chư Phật và các con của chư Phật. Nhưng hiểu theo văn cảnh thì các con của chư Phật không phải là Phật-tử hiểu theo nghĩa thông thường mà ở đây chính là chư Bồ-Tát...

đỏ, bên trái màu trắng. Phía trên nữa, khuôn mặt ở giữa mang sắc màu đỏ, bên phải màu trắng và bên trái màu xanh lục.

[Những khuôn mặt này] đều có những cặp mắt thuôn dài, cơ hồ như đang khẽ mỉm cười. Phía trên những khuôn mặt này là một khuôn mặt mang sắc màu đen hung tợn, răng nanh nhe dài với những vết nhăn hung hãn,⁵⁸ cộng thêm một con mắt thứ ba,⁵⁹ vẫn tóc màu cam dựng ngược. Trên đỉnh đầu là một khuôn mặt màu đỏ⁶⁰ an bình với nhục kế nhô cao, nét rạn ngời thuần tịnh, hoàn toàn không tô điểm trang sức, và khuôn mặt màu đỏ này có một cái cổ riêng.

Hai bàn tay đầu tiên chắp lại trước ngực và ở giữa lòng hai bàn tay có một viên bảo châu. Bàn tay thứ nhì bên phải cầm một chuỗi tràng hạt. Giòng suối cam lộ tuôn ra từ bàn tay thứ ba bên phải để chấm dứt đói khát của loài ngạ quỷ; bàn tay này xoè ra trong ấn thí nguyện, ban phát những quả vị thành tựu tối thượng.⁶¹ Bàn tay thứ tư bên phải cầm một pháp luân. Bàn tay thứ nhì bên trái cầm một nhánh sen vàng; bàn tay thứ ba bên trái cầm một chiếc bình tịnh thủy, và bàn tay thứ tư bên trái cầm một cây cung và một mũi tên.

Chín trăm chín mươi hai cánh tay còn lại đều mềm mại như những cánh hoa sen, xoè ra trong ấn thí nguyện, ban cho những quả vị thành tựu tối thượng. Giữa lòng mỗi bàn tay là một con mắt. Những cánh tay này xoè ra không vượt cao quá nhục kế mà cũng không xuống thấp quá đầu gối.

Trên ngực trái có quàng một mảnh da sơn dương,⁶² và phía dưới có khoác y bằng lụa quý. Quanh lưng bụng có quàng một giây đai vàng óng nạm ngọc. Khuôn mặt hung tợn [sắc màu đen] được trang điểm bằng một lọn tóc vẫn màu cam. [Vị Pháp-Chủ Quán-Thế-Âm] đội mũ miện có nạm ngọc, đeo hoa tai, [với nhiều] vòng đeo cổ, vòng đeo tay, vòng đeo chân, mặc y áo đủ màu bằng gấm lụa và phóng toả hào quang màu trắng rạn ngời.

⁵⁸ Theo Mật-Tông Tây-Tạng, 'khuôn mặt hung tợn' này là biểu tượng của sự chế ngự và vượt thắng được sân hận. Nhưng đây cũng chính là biểu tượng của đức Quán-Thế-Âm dũng mãnh vô ngại, đã khắc phục được tất cả ngoại ma và nội ma.

⁵⁹ Tuệ nhãn hay mắt tuệ.

⁶⁰ Đây chính là khuôn mặt của đức Phật A-Di-Đà.

⁶¹ Theo bản tiếng Anh: *the mudrā of granting sublime realizations*. Kinh sách tiếng Việt thường sử dụng cụm từ 'ấn thí nguyện' để chỉ thủ ấn này của đức Quán-Thế-Âm. Thí nguyện là cho phép được toại nguyện; lòng tay hướng ra về phía trước mặt, bàn tay chỉ xuống.

⁶² Sơn dương (*antelope*) là một loại thú có tiếng rất thương con, hết mực săn sóc cho con của chúng vô cùng tử tế và dịu dàng nên ở đây tượng trưng cho tâm nguyện vị tha, phát khởi tình thương và từ bi đối với người khác.

2.5 Pháp-Chủ Thủ-Ấn⁶³

Quán niệm như sau chính là quán niệm Pháp-Chủ Thủ-Ấn:

Nơi đỉnh đầu của khuôn mặt chính giữa là chủng tự **OM** màu trắng, ở cổ họng là chủng tự **ĀH** màu đỏ, và ở tâm điểm⁶⁴ là chủng tự **HŪM** màu xanh biển. Trên toà trắng ở tâm điểm là chủng tự **HRĪH** màu trắng, với nguyên âm dài (Ī) và ước nguyện kế tiếp (H).⁶⁵

Sau đó, tụng đọc câu minh chú sau đây 5 lần, vừa tụng đọc vừa ban ân điển gia trì và chạm tay vào các điểm sau đây: luân xa tim, [giữa hai] lông mày, cổ họng, phía trên bờ vai trái và phía trên bờ vai phải. Khi chạm tay vào 5 điểm này, hai tay của hành giả bắt thủ ấn 'kết nguyện' của Liên-Hoa Phật Bộ [...]. Đây chính là Pháp-Chủ Thủ-Ấn.

Âm Phạn:

OM PADMA UDBHAVAYE SVĀHĀ (5x)

Âm Việt:

ÔM PÁT-MA ÚT-BA-VA-GIÊ XOA-HA (5x)

2.6 Pháp-Chủ Hiệu-Ấn⁶⁶

2.6.1 Khẩn Nguyện và Hợp Nhất Cùng Chư Vị Đại-Giác⁶⁷

Sau đó, hãy khẩn nguyện chư vị đại-giác bằng cách tụng đọc như sau:

Hào quang phóng tỏa từ chủng tự **HRĪH** ở tâm điểm của hành giả, khẩn gọi đức Quán-Thể-Âm cùng với toàn thể pháp hội chư Phật và chư Bồ-Tát từ trụ xứ bản nguyên của các ngài.⁶⁸

Âm Phạn:

OM ĀRYA LOKEŚHVARA SAPARIVĀRA VAJRA SAMAYA JAH JAH JAH
HŪM BAM HOH//

⁶³ *Deity of Mudrā*

⁶⁴ **Bản tiếng Anh** dùng chữ 'heart' (trái tim) nhưng ở đây ám chỉ luân xa tim, hay tâm điểm, chứ không ám chỉ trái tim.

⁶⁵ *Subsequent aspiration*

⁶⁶ *Deity of Sign*

⁶⁷ *Invocation and Absorption of the Wisdom Beings*

⁶⁸ **Trụ xứ bản nguyên** có ý nói là các ngài đang an trụ nơi chân tánh giác ngộ

Âm Việt:

ÔM A-RI-DA LÔ-KẾT-SƠ-VA-RA SA-PA-RI-VA-RA VA-GIỜ-RA XA-MAY-DA GIA
GIA GIA HUM BAM HỒ//

Quán niệm:

Đức Quán-Thế-Âm cùng toàn thể pháp hội chư Phật và chư Bồ Tát hợp nhất cùng hành giả, là kẻ đã kết nguyện.⁶⁹

2.6.2 Khẩn Nguyện Chư Thiên Phật⁷⁰ Và Cúng Dường

Một lần nữa, hào quang phóng tỏa từ chủng tự **HRĪH** ở tâm điểm của hành giả, khẩn gọi chư vị Pháp-Chủ gia lực: gồm có chư Phật thuộc năm Phật Bộ,⁷¹ với đức A-Di-Đà là vị Phật-Chủ, cùng với toàn thể pháp hội thánh chúng.

Trong khi dâng cúng các phẩm vật cúng dường, hãy tụng đọc:

Âm Phạn:

OM PĀNCHA KULA SAPARIVĀRA -- ARGHAM, PADYAM, PUSHPE, DHŪPE,
ĀLOKE, GANDHE, NAIVIDYĀ, ŚHAPTA -- PRATICCHA SVĀHĀ//

Âm Việt:

ÔM PAN-CHA CU-LA XA-PA-RI-VA-RA -- ẠC-GAM, PA-ĐI-AM, PÚT-SƠ-PÊ,
ĐU-PÊ, A-LÔ-KÊ, GAN-ĐÊ, NÊ-VI-ĐI-ĐA, SÁP-TA -- PƠ-RA-TI-CHA XOA-HA//

2.6.3 Nguyện Xin Thọ Nhận Quán Đảnh

[Đọc câu thỉnh nguyện như sau:]

‘Nguyện xin chư Như Lai gia trì năng lực và ân điển.’

⁶⁹ *The commitment being*

⁷⁰ **Dhyani Buddhas:** Chư Thiên Phật hay Ngũ Phương Phật. Đây chính là chư Phật thuộc năm Phật Bộ, tượng trưng cho năm trí, gồm có Đại Nhật Như Lai (*Vairocana*) hay ‘pháp giới thể tánh trí’, Bất Động Như Lai (*Akshobya*) hay ‘đại viên cảnh trí’, Bảo Sinh Như Lai (*Ratnasambhava*) hay ‘bình đẳng tánh trí’, A Di Đà Như Lai (*Amitabha*) hay ‘diệu quan sát trí’, và Bất Không Thành Tựu Như Lai (*Amoghasiddhi*) hay ‘thành sở tác trí.’

⁷¹ Xem chú thích trên.

Khi đã khấn nguyện như vậy rồi thì vị Pháp-Chủ Áo Trắng [Bạch-Y Quán-Thế-Âm] và chư vị trong pháp hội của ngài sẽ ứng hóa ra từ tâm điểm của chư Như Lai, tay nâng cao bình tịnh thủy chan chứa nước cam lộ và cất tiếng:

Khởi ngay tự giây phút đản sanh,
Chư Thiên đã cúng dường nước tịnh lên đức Phật,
Cũng như thế, ta cúng dường nước thiêng thuần khiết
Tịnh hoá báo thân.⁷²

Âm Phạn:

OM SARVA TATHĀGATHA ABHISHEKATA SAMAYA ŚHRI YE HŪM//

Âm Việt:

ÔM XA-VA TA-THA-GA-TA A-BI-SÊ-CA-TA SA-MAY-DA SƠ-RI DÊ HUM//

Và [đức Bạch-Y Quán-Thế-Âm] gia trì năng lực [cho hành giả].⁷³

Nhờ đó, toàn thân hành giả⁷⁴ tràn đầy nước tịnh, và tất cả mọi ô trược, phiền não đều được tịnh hóa. Từ sự chuyển hoá của những giọt nước còn đọng lại trên đỉnh đầu hành giả, đức Phật A-Di-Đà (Amitabha) -- đồng một pháp tánh với vị bổn sư của hành giả⁷⁵ -- hoá hiện ra ngay trên đỉnh đầu; ở giữa trán [của hành giả] là Bất Động Như Lai Phật (Akshobya), phía sau tai phải (right ear) là Bảo Sinh Như Lai Phật (Ratnasambhava), sau lưng hành giả là Đại Nhật Như Lai Phật (Vairocana) và phía sau tai trái (left ear) là Bất Không Thành Tựu Như Lai Phật (Amoghasiddhi).

Trên một đài trắng ở tâm điểm của hành giả là đức Quán-Thế-Âm viên giác thù thắng, thân toả sắc trắng ngời, với một khuôn mặt và hai cánh tay. Bàn tay phải bắt ấn thí nguyện, ban cho quả vị thành tựu, và bàn tay trái cầm một đoá sen nâng trước ngực. Trên đài trắng ở tâm điểm của đức Quán-Thế-Âm chính là đề mục quán định,⁷⁶ [tức là] chúng tự HRĪH với một nguyên âm dài (ī) và ước nguyện kế tiếp (h).

⁷² Theo bản tiếng Anh, *'the holy body'* ở đây chính là sắc thân của hành giả được quán tưởng trong dạng báo thân của đức Quán Thế Âm.

⁷³ Hành giả vẫn đang quán tưởng mình trong dạng báo thân của đức Quán-Thế-Âm.

⁷⁴ Xem chú thích trên.

⁷⁵ 'Bổn sư của hành giả' ở đây không ám chỉ đức bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, mà theo Mật-Tông, đây chính là vị thầy đã khai mở trí tuệ cho hành giả, giúp hành giả trực nhận chân tánh. Cũng theo Mật-Tông, liên hệ giữa hành giả và vị bổn sư là một liên hệ rất mật thiết; hành giả phải luôn quán tưởng vị bổn sư của mình không khác gì đức Phật, đồng pháp tánh với chư Phật.

⁷⁶ Bản tiếng Anh sử dụng cụm từ *'the concentration being'* -- nhưng theo Pháp-Chủ Du-Già thì ở đây không ám chỉ một ai hay một vị nào mà đây chính là chúng tự HRĪ, dùng làm đề mục mà hành giả cần chú tâm vào để thiền định.

Hãy chú tâm vào chính hành giả, quán tưởng thật rõ ràng [báo thân] của vị Pháp-Chủ; khi thiền quán hết sức miên mật như thế thì đây chính là pháp thiền quán Pháp-Chủ Hiệu-Ấn.

2.7 Cúng Dường [Báo Thân] Tự Khởi ⁷⁷

2.7.1 Gia Hộ Ân Điền Các Phẩm Vật Cúng Dường

Sau đó, hãy cúng dường các phẩm vật lên báo thân tự khởi. Hãy tịnh hoá những phẩm vật cúng dường và gột sạch mọi ô nhiễm chướng ngại bằng cách trì tụng minh chú sau đây trong khi quán tưởng:

Âm Phạn:

OM PADMĀNTAKRIT HUM PHAT
OM SVABHĀVA ŚHUDDHĀH SARVA DHARMĀH SVABHĀVA ŚHUDDHOH
'HAM//

Âm Việt:

ÔM PÁT-MAN-TA-CƠ-RÍT HUM PẾT
ÔM XOA-BA-VA SU-ĐA XA-VA ĐA-MA XOA-BA-VA SU-ĐÔ HAM//

Những phẩm vật cúng dường thể hiện tánh không.

Từ trong Không-tánh với vơi, ⁷⁸ [tám] chủng tự **BRUM** hiện ra, và tám chiếc bình bảo tích bao la, hoàn mỹ lại hoá hiện ra từ những chủng tự **BRUM** này. [Trong mỗi chiếc bình bảo tích] là một chủng tự **OM** màu trắng. Những chủng tự **OM** tan hoà ra thành ánh sáng và biến thành nước uống, nước rửa chân, hoa thơm, nhang thơm, đèn nến, nước hoa, thực phẩm, và nhã nhạc. Chân tánh của những phẩm vật cúng dường này không nằm ngoài tánh Không; mỗi cúng phẩm đều mang những đặc điểm riêng, và diệu dụng những cúng phẩm này là để giúp phát khởi niềm hỷ lạc đặc biệt huyền diệu, trong sáng, thuần khiết.

Âm Phạn:

OM ARGHAM AH HUM
OM PADYAM AH HUM

⁷⁷ **Báo thân tự khởi:** hành giả tự quán tưởng sắc thân mình khởi hiện thành báo thân (sambhogakaya) của đức Quán-Thế-Âm.

⁷⁸ *From the sphere of emptiness*

OM PUSHPE AH HUM
OM DHUPE AH HUM
OM ALOKE AH HUM
OM GANDHE AH HUM
OM NAIVIDYA AH HUM
OM SHABDA AH HUM

Âm Việt:

ÔM ẠC-GAM A HUM (nước uống)⁷⁹
ÔM PA-ĐI-LAM A HUM (nước rửa chân)
ÔM PU-SỞ-PÊ A HUM (hoa thơm)
ÔM ĐU-PÊ A HUM (nhang thơm)
ÔM A-LÔ-KÊ A HUM (đèn nến)
ÔM GAN-ĐÊ A HUM (nước hoa)
ÔM NAI-VI-ĐI-ĐA A HUM (thực phẩm)
ÔM SẤP-ĐA A HUM (nhã nhạc)

2.7.2 Cúng Đường Phẩm Vật

Hãy dâng cúng các phẩm vật cúng đường bằng cách trì tụng như sau, [miệng trì tụng], [trong khi hai tay] đan kết các thủ ấn thích hợp:

Âm Phạn:

OM ĀRYA LOKEŚHVARA-SĀPARIVĀRA ARGHAM PRATĪCCHA SVĀHĀ
OM ĀRYA LOKEŚHVARA-SĀPARIVĀRA PADYAM PRATĪCCHA SVĀHĀ
OM ĀRYA LOKEŚHVARA-SĀPARIVĀRA PUSHPE RATĪCCHA SVĀHĀ
OM ĀRYA LOKEŚHVARA-SĀPARIVĀRA DHŪPE PRATĪCCHA SVĀHĀ
OM ĀRYA LOKEŚHVARA-SĀPARIVĀRA ĀLOKE PRATĪCCHA SVĀHĀ
OM ĀRYA LOKEŚHVARA-SĀPARIVĀRA GANDHE PRATĪCCHA SVĀHĀ
OM ĀRYA LOKEŚHVARA-SĀPARIVĀRA NAIVIDYĀ PRATĪCCHA SVĀHĀ
OM ĀRYA LOKEŚHVARA-SĀPARIVĀRA ŚHAPTA PRATĪCCHA SVĀHĀ//

Âm Việt:

ÔM A-RI-ĐA LÔ-KẾT-SỞ-VA-RA XA-PA-RI-VA-RA ẠC-GAM PA-TI-CHA XOA-HA (nước thơm)

⁷⁹ Khi đọc các câu minh chú cúng đường, mỗi phẩm vật cúng đường đều có một thủ ấn (*mudra*) đi kèm.

ÔM A-RI-DA LÔ-KẾT-SỞ-VA-RA XA-PA-RI-VA-RA PA-ĐI-AM PA-TI-CHA XOA-HA (nước rửa chân)

ÔM A-RI-DA LÔ-KẾT-SỞ-VA-RA XA-PA-RI-VA-RA PÚT-SỞ-PÊ PA-TI-CHA XOA-HA (hoa thơm)

ÔM A-RI-DA LÔ-KẾT-SỞ-VA-RA XA-PA-RI-VA-RA ĐU-PÊ PA-TI-CHA XOA-HA (nhang thơm)

ÔM A-RI-DA LÔ-KẾT-SỞ-VA-RA XA-PA-RI-VA-RA A-LÔ-KÊ PA-TI-CHA XOA-HA (đèn nến)

ÔM A-RI-DA LÔ-KẾT-SỞ-VA-RA XA-PA-RI-VA-RA GAN-ĐÊ PA-TI-CHA XOA-HA (nước hoa)

ÔM A-RI-DA LÔ-KẾT-SỞ-VA-RA XA-PA-RI-VA-RA NA-VI-ĐI-A PA-TI-CHA XOA-HA (thực phẩm)

ÔM A-RI-DA LÔ-KẾT-SỞ-VA-RA XA-PA-RI-VA-RA SÁP-TA PA-TI-CHA XOA-HA (nhã nhạc)//

[Nếu muốn, hành giả cũng có thể dâng cúng các cúng phẩm trong khi trì tụng các câu kệ cúng dường song song với các câu minh chú (giống như cách cúng dường vị Pháp-Chủ mà hành giả đã quán tưởng trước mặt).⁸⁰

2.7.3 Tán Dương

Tụng đọc bài kệ sau đây để tán dương:

Được hằng hà sa chư Phật thọ ký,
Ngài đã tích tụ muôn ức phàm hạnh cao quý
Và đã được ban cho danh hiệu Quán-Thế-Âm,
Con xin đảnh lễ ngài, đấng vô ngại đại-từ đại-bi.

2.8 Gia Trì Ân Điện Chuối Tràng Hạt

[Tiếp theo, trong công phu trì chú, hãy gia trì ân điện cho chuỗi tràng hạt. Hai tay chấp lại trước ngực, hãy đảnh lễ bốn sư cùng vị Pháp-Chủ và tụng đọc]:

⁸⁰ Trong các pháp hành trì quán tưởng các vị Pháp-Chủ, đầu tiên là quán thấy vị Pháp-Chủ hoá hiện ra trước mặt, sau đó, mới đến phần 'tự khởi' và quán tưởng chính mình trong dạng báo thân của vị Pháp-Chủ.

Âm Phạn:

OM GURU SARVA TATHĀGATĀ KĀYA VĀK CHITA PRANAMENA SARVA
TATHĀGATĀ VAJRA PĀDA BANDHANAM KAROMI//

Âm Việt:

ÔM GU-RU XA-VA TA-THA-GA-TA KA-DA VA CHI-TA BỐ-RA-NA-MÊ-NA
SA-VA TA-THA-GA-TA VA-GIỜ-RA PA-ĐA BAN-ĐA-NAM KA-RÔ-MI//

Sau đó, hãy để chuỗi tràng hạt ở giữa lòng hai bàn tay úp lại, và gia trì ân điển cho chuỗi tràng bằng cách tụng đọc câu minh chú dưới đây 7 lần. Chuỗi tràng cần phải là loại chuỗi phù hợp với công phu hành trì, chẳng hạn như khi hành trì các pháp môn an bình thì nên dùng chuỗi tràng làm bằng pha-lê hay bằng hạt cây bồ đề.

Âm Phạn:

OM VASUMATI SHRĪĀYE SVĀHĀ (7x)

Âm Việt:

ÔM VA-XU-MA-TI SỞ-RI-A-ĐỀ XOA-HA (7X)

2.9 Trì Tụng Minh Chú

Hãy quán chiếu như sau:

Trên một đài trắng ở tâm điểm của hành giả là đề mục quán định,⁸¹ [tức là] chủng tự **HRĪH** với những chuỗi minh chú xoay vòng quanh. Văn tự của những chuỗi minh chú này màu trắng, thẳng đứng, xoay thuận theo chiều kim đồng hồ. Hào quang phóng tỏa ra từ văn tự của những chuỗi minh chú này dâng tràn cơ thể của hành giả và thanh tịnh hoá hết tất cả mọi ô nhiễm và chướng ngại của hành giả.

Muôn ức chư vị đại-giác trong pháp hội của đức Quán-Thế-Âm cũng hoá hiện ra từ những luồng ánh sáng đang phóng tỏa này, tịnh hoá hết mọi ô nhiễm và chướng ngại của tất cả chúng sinh, dẫn dắt họ đến bờ giác ngộ Quán-Thế-Âm.⁸² Sau đó, tất cả ánh sáng và chư vị đại-giác lại thu trở về và tan hoà vào chủng tự **HRĪH** ở tâm điểm của hành giả.

⁸¹ **Bản tiếng Anh** sử dụng cụm từ *'the concentration being'* nhưng ở đây không ám chỉ một ai hay một vị nào mà chính là chủng tự **HRĪ** và chuỗi minh chú xoay vòng quanh, dùng làm đề mục mà hành giả cần chú tâm vào để thiền định.

⁸² **Setting them in the state of the Ārya Avalokiteshvara:** ý nói tất cả chúng sinh đều được gia hộ và dẫn dắt để thành tựu trạng thái giác ngộ không khác gì đức Quán-Thế-Âm.

Trì Tụng Trường-Chú [Quán-Thế-Âm]

Âm Phạn:

NAMO RATNA TRAYĀYA/ NAMAH ĀRYA JÑĀNA SĀGARA/ VAIROCHANA/
VYŪHA RĀJĀYA/ TATHĀGATĀYA/ ARHATE/ SAMYAKSAM BUDDHĀYA/
NAMAH SARVA TATHĀGATEBHĪYAH/ ARHABBHĪYAH/ SAMYAKSAM
BUDDHEBHĪYAH/
NAMAH ĀRYA AVALOKITEŚHVARĀYA/ BODHISATTVĀYA MAHĀSATTVĀYA
MAHĀKĀRUNIKĀYA/
TADYATHĀ/ OM DHARA DHARA/ DHIRI DHIRI/ DHURU DHURU/ ITTI VATTE
CHALE CHALE/ PRACHALE PRACHALE/ KUSUME/ KUSUME VARE/ ILI MILI/
CITI JVALAM/ APANAYE SVĀHĀ//

Âm Việt:

NAM-MÔ RÁT-NA TRA-DA-DA/ NAM-MA A-RI-DA GIA-NA XA-GA-RA/ VÊ-
RÔ-CHA-NA/ VI-U-HA RA-GIA-DA/ TA-THA-GA-TA-DA/ A-RA-TÊ/ XAM-DA-XAM
BU-ĐA-DA/
NAM-MA XA-VA TA-THA-GA-TÊ-BÊ/ A-RÁP-BÊ/ XAM-DA-XAM BU-ĐÊ-BÊ/
NAM-MA A-RI-DA A-VA-LÔ-KI-TẾT-SỞ-VA-RA-DA/ BỒ-ĐI-XÁT-TOA-DA MA-HA-
XÁT-TOA-DA MA-HA-CA-RU-NI-CA-DA/
TÊ-DA-THA/ ÔM ĐA-RA ĐA-RA/ ĐÌ-RI ĐÌ-RI/ ĐU-RU ĐU-RU/ I-TI VA-TÊ/ CHA-
LÊ CHA-LÊ/ PỜ-RA-CHA-LÊ PỜ-RA-CHA-LÊ/ KU-XU-MÊ/ KU-XU-MÊ VA-RÊ/ I-LI
MI-LI XI-TI GIA-LAM/ A-PA-NA-DÊ XOA-HA//

Trì Tụng Lục-Tự Minh-Chú⁸³

Âm Phạn:

OM MANI 'PADME'⁸⁴ HŪM

Âm Việt:

ÔM MA-NI PẾT-MÊ⁸⁵ HUM

⁸³ **Lục Tự Minh Chú** là câu minh chú thâu gọn trong 6 chữ của đức Quán-Thế-Âm.

⁸⁴ Theo tiếng Phạn, *padma* (pát-ma) là bông hoa sen nhưng người Tây-Tạng phát âm *padma* (pát-ma) thành ra *padme* (pết-me[^]), lâu ngày thành thói quen. Câu này có ý nghĩa tổng quát là 'Xin nghiêng mình trước viên ngọc quý trong hoa sen.' **Om** là pháp âm vi diệu, có khả năng đánh thức được pháp thân. **Mani** là viên ngọc quý hay ngọc như ý, ở đây ý nói trí huệ viên mãn chứng đắc tánh Không và tâm Bồ-Đề đem lại lợi lạc cho chúng sinh. **Padme** (Padma) cũng là trí huệ viên mãn, thuần khiết. **Hūm** là pháp âm vi diệu, có khả năng kết hợp được trí tuệ (*wisdom*) và phương tiện (*method/compassion*)

⁸⁵ Kinh sách Việt dịch âm là 'Án Ma Ni Bát Di Hồng.'

Trì Tụng Minh-Chú Liên-Hoa Bồ-Tát ⁸⁶

[Sau đó, tụng đọc bài bách-tự minh chú Liên-Hoa Bồ Tát sau đây ba lần; [để] bổ sung cho những điểm dư thừa hoặc thiếu sót (trong công phu hành trì của hành giả), và an định ân điển (đã nhận được)]:

Âm Phạn:

OM PADMASATTVA SAMAYA MANUPALĀYA/ PADMASATTVA
TVENÔPATISHTHA/ DRIDHO ME BHAVA/ SUTOSHYO ME BHAVA/ SUPOSHYO
ME BHAVA/ ANURAKTO ME BHAVA/ SARVA SIDDHIM ME PRAYACHCH'A/
SARVA KARMA SUCHA ME/ CHITTAM ŚHRĪYAM KURU/ HŪM HA HA HA
HA HOH/ BHAGAVAN SARVA TATHĀGATA PADMA/ MĀ ME MUNCHA/
PADMA BHAVA/ MAHĀSAMAYA SATTVA/ ĀH//

Âm Việt:

ÔM PÁT-MA-XÁT-TOA XA-MAY-DA MA-NU-PA-LA-DA/ PÁT-MA-XÁT-TOA TÊ-
NÔ-PA-TÍT-SƠ-THA/ TRI-ĐÔ MÊ BA-OA/ SU-TÔ-SI-Ô MÊ BA-OA/ SU-PÔ-SI-Ô
MÊ BA-OA/ A-NU-RÁT-TÔ MÊ BA-OA/ XA-VA XI-ĐIM MÊ PỜ-RA-DÁT-SA/
XA-VA CẶC-MA SU-CHA MÊ/ CHI-TAM SƠ-RI-DAM CU-RU/ HUM HA HA
HA HA HÔ/ BA-GA-GOAN XA-VA TA-THA-GA-TA PÁT-MÊ/ MA-MÊ-MUN-XA/
PADMA BA-VA/ MA-HA-XA-MAY-DA XÁT-TOA/ A//

ॐ

⁸⁶ Liên-Hoa Bồ-Tát (*Padmasattva*) chính là đức Quán-Thế-Âm. Bài bách-tự minh chú này có công năng thanh tịnh tâm ô nhiễm và thanh tịnh nghiệp chướng.



Kết Thúc Công Phu Hành Trì

3.1 Thỉnh Cầu Lưu Lại hoặc Quy Hồi

Vì lợi lạc của chúng sinh,
Thỉnh cầu [chư vị kết-nguyện]⁸⁷ hãy lưu lại cùng linh ảnh này
Và ban cho sức khoẻ, tuổi thọ và phú túc,
Cùng những chứng đắc tối thượng.

Âm Phạn:

OM SUPRATISHTHA VAJRA-YE SVĀHĀ

Âm Việt:

ÔM XU-PO-RA-TI-SA VỞ-RA-GIA-DÊ XOA-HA

OM. [Chư vị đại-giác]⁸⁸ đã ban cho chúng sinh tất cả ước nguyện
Và gia hộ những thành tựu tùy duyên.
Cho dù chư vị sẽ trở về nơi quốc độ Phật
Thỉnh cầu chư vị mai sau trở lại.

Âm Phạn:

OM VAJRA MUH

Âm Việt:

ÔM VỞ-RA-GIA MU

⁸⁷ **Lời thỉnh nguyện** này là để dâng lên đức Quán-Thế-Âm và pháp hội của ngài đã thị hiện trong dạng (1) báo thân mà hành giả đã quán tưởng trước mặt, hoặc (2) trong dạng báo thân tự khởi của chính hành giả. Cả hai trường hợp này đều được gọi là 'chư vị kết nguyện' (*the commitment beings*).

⁸⁸ **Lời thỉnh nguyện** này là để dâng lên chư Thiên Phật của 5 Phật Bộ và chư Bồ Tát mười phương, chính là những vị đại giác (*wisdom beings*) mà hành giả quán tưởng đã thị hiện để gia trì năng lực và ân điển cho 'chư vị kết nguyện' (xem chú thích trên).

Chư vị đại-giác tối thắng trở lại về trụ xứ bản nguyên (an trụ nơi Không-tánh). Còn tất cả *chư vị kết-nguyện* gồm vị Pháp-Chủ, pháp hội thánh chúng cùng giới đàn mà con đã quán tưởng nay tan thành ánh sáng và hoà nhập vào trong con.

Con hoá hiện thành đức Đại-Từ Đại-Bi, với một khuôn mặt và hai cánh tay, với chủng tự OM màu trắng điểm trên đỉnh đầu, chủng tự AH màu đỏ nơi cổ họng, và chủng tự HŪM màu xanh biển ở tâm điểm.

3.1 Hồi Hưởng

Nương nơi công đức này,⁸⁹ nguyện xin cho con
Tức thời trở thành đấng Đại- Từ Đại-Bi
Và nguyện độ cho tất cả chúng sinh, không một ai còn sót lại,
Cùng về an trụ nơi pháp giới vô ngại đại bi.⁹⁰

3.2 Nguyện Đức Đạt Lai Lạt Ma Trường Thọ⁹¹

Nơi xứ tuyết núi cao bao bọc,⁹²
Ngài là suối nguồn của mọi phúc lợi và và hỷ lạc.
Tenzin Gyatso,⁹³ đồng nhất pháp tánh với đức Quán-Thế-Âm,⁹⁴
Nguyện cầu Ngài chân cứng đá mềm⁹⁵ cho đến khi cõi luân hồi tuyệt dứt!



⁸⁹ Công đức ở đây ám chỉ công đức đã tạo được do công phu hành trì pháp Quán-Thế-Âm.

⁹⁰ Ở đây ý nói nương vào công đức hành trì và thực chứng mà hành giả độ được cho chúng sinh và dẫn dắt chúng sinh để họ cùng chứng đắc quả vị viên mãn và trở thành đức Quán-Thế-Âm từ bi vô ngại.

⁹¹ Theo Mật Tông Tây Tạng, trước khi kết thúc công phu hành trì, hành giả phải hồi hướng công đức đến tất cả chúng sinh và đọc thêm những lời cầu nguyện dâng lên đức Đạt Lai Lạt Ma, chư Tổ, và chư bổn sư, nguyện cầu cho các ngài được khoẻ mạnh, sống lâu, đừng nhập niết bàn v.v. để tiếp tục giáo hoá chúng sinh.

⁹² Ý nói xứ tuyết Tây Tạng vì bài cầu nguyện này, trước kia chỉ dành riêng cho người Tây Tạng tụng đọc ở tại quốc gia Tây Tạng.

⁹³ Tên hiệu của đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14.

⁹⁴ *You who are one with Avalokiteshvara*

⁹⁵ Theo bản Anh-ngữ, "May you remain steadfast" có nghĩa là nguyện xin cho ngài mãi mãi kiên trì, không suy chuyển. Nhưng cũng trong một bản dịch Anh-ngữ khác, có một câu nhắc đến đôi chân linh hiển (*the holy feet*) của đức Đạt Lai Lạt Ma trong câu nguyện trường thọ, nên câu tiếng Việt này dịch thoát ý từ hai bản dịch Anh-ngữ khác nhau.

3.4 Bài Kệ Cát Tường

Nguyện cho giáo pháp, cội nguồn của phúc lợi và thiện hạnh, trải rộng lan xa
Nguyện cho tất cả những ai đang hành trì giáo pháp thân tâm thường an lạc,
Nguyện cho Phật pháp, suối nguồn hạnh phúc và an lành cho tất cả các ứng thân,
Luôn luôn tăng trưởng.

Nguyện xin Tôn Sư Tối Thượng - chư Phật tôn quý - hiện hữu cát tường,
Nguyện xin Hộ Pháp Tối Thượng - Giáo Pháp tôn quý - hiện hữu cát tường,
Nguyện xin Chỉ Đạo Tối Thượng - Tăng thân tôn quý - hiện hữu cát tường,
Nguyện xin Tam Bảo luôn luôn hiện hữu cát tường.

ॐ



Phụ Lục 1

Cúng Dường Mạn-Đà-La

Trường-Kinh Mạn-Đà-La

OM VAJRA BHŪMI ĀH HŪM,⁹⁶ đất uy dũng nạm vàng

OM VAJRA REKHE ĀH HŪM,⁹⁷

Bao bọc chung quanh là núi non óng bạc,

Ở giữa là núi cả Tu-Di, vua của các núi.

Ở phía đông là Đông Thắng Thân Châu (Pūrva-videha), chúng sinh cao lớn;⁹⁸

Ở phía nam là Nam Thiệm Bộ Châu (Jumbuvipa), cây như ý mọc;⁹⁹

Ở phía tây là Tây Ngưu Hoá Châu (Aparagodāna), nương nhờ gia súc;¹⁰⁰

Ở phía bắc là Bắc Câu Lô Châu (Uttara-Kuru), lời xé ngang tai.¹⁰¹

Phía đông có Thân Châu (Deha) và Thắng Thân Châu (Videha);¹⁰²

Phía nam có Miêu Ngư Châu (Camara) và Thắng Miêu Ngư Châu (Aparacamara);

Phía tây có Xiêm Châu (Satha) và Thượng Nghi Châu (Uttaramantrina);

Phía bắc có Thắng Biên Châu (Kurava) và Hữu Thắng Biên Châu (Kaurava).

Có non cao núi quý, loài cây như ý,

Đàn bò như nguyền ước và mùa màng không cần gặt hái.

Có bánh xe quý, châu ngọc quý, hoàng hậu tôn quý,

Khâm sai đại thân, voi quý, ngựa quý,

⁹⁶ *Âm Việt:* ÔM VƠ-RA-GIA BUM-MI A HUM

⁹⁷ *Âm Việt:* ÔM VƠ-RA-GIA RÊ-KHÊ A HUM

⁹⁸ **Người ở châu này** thân hình vô cùng cao lớn.

⁹⁹ **Tục truyền ở châu này** có loài cây giúp người toại ý, trái của cây đó rụng xuống ven hồ thì hoá vàng. Kinh sách cho rằng đây là cội con người chúng ta đang sống.

¹⁰⁰ **Tục truyền rằng người ở châu này** sống nhờ gia súc, có những con bò mộng giúp người toại ý.

¹⁰¹ **Người ở châu này** sinh ra tự khắc lớn lên, thọ đủ ngàn năm, nhưng khi sắp chết sẽ nghe được tiếng báo trước mình sắp chết; vì không thích phải nghe như vậy nên đây là những âm thanh rất kinh hãi đối với họ.

¹⁰² **Đây là những trung-châu** (*sub-continents*) của các đại châu (*continents*) vây quanh núi Tu-Di. Mỗi đại châu có hai trung châu.

Đại lãnh thống soái, và bình bảo tích chứa trên châu.

Có những thiên nữ thướt tha với tràng hoa, lời ca, điệu vũ,
Hoa thơm, nhang, đèn và nước hoa;
Mặt trời, mặt trăng, tàng lọng quý,
Và phướn đại thắng huy hoàng lộng gió mười phương;

Ở giữa là cửa cải của chư Thiên và loài người,
Hoàn hảo, không thiếu thứ gì, thuần khiết và đẹp xinh.
Con xin cúng dường cả vũ trụ này cho chư bôn sư quang vinh, linh hiển và từ bi của
giòng truyền thừa,
Và hơn thế nữa, cho bậc hiền thánh tối thượng, đấng Đại-Từ Đại-Bi,
Cùng pháp hội thánh chúng.

Vì lợi lạc của chúng sinh, xin hãy chúng giám với tâm từ bi rộng mở.
Dậy lòng xót thương, chư vị đã chúng giám;
Xin hãy gia hộ ân điển cho con và tất cả chúng sinh mẹ hiền ¹⁰³
Hằng hà sa vô lượng tựa không gian vô biên.

ॐ

¹⁰³ Theo Mật-Tông Tây-Tạng, hành giả phải quán tưởng chúng sinh đã từng là mẹ của mình từ vô lượng kiếp ('all mother sentient beings') cốt để phát khởi tâm từ bi vô ngại.



Phụ Lục 2

Cúng Dường Mạn-Đà-La

Đoán-Kinh Mạn-Đà-La

Hoa thơm rải đất, nhang thơm ngào ngạt đất,
Điểm núi Tu-Di, bốn châu lớn ¹⁰⁴ cùng đôi vầng nhật nguyệt,
Đây quốc độ Phật con đã quán tưởng, và xin dâng cúng,
Nguyện tất cả chúng sinh được thọ hưởng cõi giới thuần tịnh này.

Âm Phạn

IDAM GURU RATNA MANDALAKAM NIRYĀTAYĀMI

Âm Việt

I-ĐAM GU-RU RÁT-NA MAN-ĐA-LA-CAM NƠ-DA-TA-DA-MI



¹⁰⁴ **Bốn châu bao bọc quanh núi Tu-Di** gồm có: Đông Thắng Thân Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hoá Châu và Bắc Câu Lô Châu (xem chú thích của Trường-Kinh Mạn-Đà-La).

🌀 *Tâm-Bảo-Đàn chuyển Việt-ngữ 'Nghĩ Thức Hành Trì Thiên-Thủ Thiên-Nhân Quán-Thế-Âm' (Thousand-Armed Avalokites'hvara Sadhana) nhân đại lễ quán đảnh Avalokiteshvara 2005 tại New York tháng 9/2005 để cúng dường đức Đạt-Lai Lạt-Ma đời thứ 14, hiện thân của lòng từ bi vô lượng của đức Quán-Thế-Âm. Chú thích của bản Việt-Ngữ được soạn ra dựa trên các thời pháp và các tài liệu thuyết giảng về Mật-Tông của các đại sư Tây-Tạng tại Hoa-Kỳ và Gia-Nã-Đại. Tâm-Bảo-Đàn hiệu đính tháng 2/2006.*

Mọi sơ sót là của người dịch. Mọi công đức xin hồi hướng pháp giới chúng sinh. Muốn nhận ấn bản điện tử, xin liên lạc: vietvajra@yahoo.com hoặc xem trên trang nhà: www.vietvajra.org.